

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG PHÚ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2024/DS-ST
Ngày: 28-8-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài
sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thái Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Hoàng Tha.

Ông Võ Văn Phụng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Huỳnh Gia Mẫn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Bà Dương Hồng Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần S; Địa chỉ số A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần S: Ông Võ Anh H – Chức vụ: Nhân viên Công ty cổ phần S - Địa chỉ: Số D, đường L, Phường C, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn V; Sinh năm 1964; Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/6/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty cổ phần S trình bày:*

Vào ngày 30/9/2020, ông Nguyễn Văn V có đến địa chỉ của Công ty tại chi nhánh huyện Q (Ấp G, thị trấn V, huyện Q, Sóc Trăng, để ký hợp đồng cầm cố tài sản. Cụ thể theo hợp đồng số: TDM200901035NA18X được ký giữa các bên ngày 30/9/2020 số đăng ký Giao dịch Đảm bảo trên Hệ thống Đăng ký Trực tuyến của Cục

đăng ký quốc gia: Giaodichdambao/botuphap: 1384353379 theo web: <https://dktructuyen.moj.gov.vn/> với thỏa thuận ông Nguyễn Văn V thống nhất cầm cố tài sản là: 01 xe mô tô hai bánh BKS 83P3-385.83; Loại xe HONDA - WAVE 100CC Màu: Đỏ Đen Bạc; Số khung RLHJA3906HY328994; Số máy JA39E029023 đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 163842 do Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 02/01/2018 với giá trị cầm cố là 10.200.000 đồng (Mười triệu hai trăm nghìn đồng); thời hạn cầm cố là 12 tháng (từ 30/9/2020-30/9/2021) với mức lãi suất là 1,1%/tháng. Theo hợp đồng cầm cố đã ký thì Công ty đã giải ngân đầy đủ số tiền trên cho ông Nguyễn Văn V.

Do nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày nên Công ty có ký giấy cho ông Nguyễn Văn V mượn lại xe sử dụng. Trong Giấy mượn xe có quy định rõ thời hạn mượn xe từ 30/11/2020 đến 30/12/2020 địa điểm trả xe là tại chi nhánh Trần Đề của Công ty. Ông Nguyễn Văn V có cam kết rõ ràng trong giấy mượn xe: “Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận”.

Quá trình trả nợ, ông Nguyễn Văn V chưa thanh toán đúng nghĩa vụ theo hợp đồng cho Công ty, đến nay đã quá hạn hợp đồng hiện tại trễ 996 ngày, ông Nguyễn Văn V không trả nợ cho Công ty và cũng không trả lại xe máy cho Công ty.

Nhân viên của Công ty đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại và đến nhà ông Nguyễn Văn V tại địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện P, Sóc Trăng nhưng đều không gặp. Công ty cổ phần S đã tạo rất nhiều điều kiện về thời gian để ông Nguyễn Văn V trả lại tiền hoặc tài sản là xe máy đã cầm cố cho Công ty Công ty cổ phần S, nhưng ông Nguyễn Văn V không thực hiện và có biểu hiện trốn tránh, chiếm đoạt tài sản Công ty Công ty cổ phần S.

Nay Công ty cổ phần S yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Long Phú giải quyết như sau:

Buộc ông Nguyễn Văn V phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo theo Hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe đã ký với Chi nhánh Sóc Trăng- Công ty cổ phần S số TDM200901035NA18X ngày 30/9/2020 toán số tiền 13.431.000 đồng (Mười chín triệu, bảy trăm năm mươi ba nghìn đồng) tạm tính đến ngày 13/06/2024 bao gồm:

- + Gốc: 8.894.000 đồng
- + Lãi trong hạn: 979.000 đồng (1,1%/ tháng)
- + Lãi quá hạn: 3.558.000 đồng (1,65%/ tháng)

Ngoài ra ông Nguyễn Văn V còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 14/06/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn đã giao nộp tài liệu chứng cứ bao gồm:

+ Số Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 163842 do Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 02/01/2018 (công chứng);

+ Hợp đồng số: TDM200901035NA18X ngày 30/9/2020 kèm theo phụ lục hợp đồng (công chứng);

- + Giấy ủy quyền ngày 30/9/2020 giữa ông Nguyễn Văn V với Công ty cổ phần S chi nhánh Sóc Trăng (photo);
- + Phiếu đăng ký cầm cố xe máy ngày 30/9/2020 (photo);
- + Giấy mượn xe ngày 30/9/2020 (công chứng);
- + Giấy ủy quyền giữa Công ty cổ phần S với ông Võ Anh H ngày 31/10/2023 (công chứng);
- + Căn cước công dân tên Võ Anh H (công chứng);
- + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp 2901807716 ngày đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 29/10/2020 (bản công chứng);
- + Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh mã số 2901807715-045 ngày thay đổi lần thứ 1 ngày 21/4/2023 (bản công chứng);
- + Hộ chiếu/ thị thực (bản công chứng);

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Long Phú đã tiến hành xác minh về ông Nguyễn Văn V hiện tại vẫn còn đăng ký thường trú tại Ấp A, xã B, huyện P, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi thụ lý vụ án, việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng được cho ông Nguyễn Văn V thường xuyên không có mặt tại nhà và không có người nhận thay. Do đó việc cấp tổng đạt được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên đến nay ông Nguyễn Văn V vẫn không đến Tòa án để trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa hôm nay,

* Người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn là ông Võ Anh H xác định nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông Nguyễn Văn V có nghĩa vụ thanh toán đối với hợp đồng cầm cố tài sản TDM200901035NA18X ngày 30/9/2020 là 16.358.734 đồng.

Trong đó, tiền gốc: 8.894.000 đồng.

Tiền lãi trong hạn tính từ ngày 01/12/2020 đến ngày 30/9/2021 theo yêu cầu khởi kiện xác định là 979.000 đồng. Nay xác định thay đổi lại là 978.340 đồng. Tiền lãi quá hạn từ ngày 01/10/2021 đến ngày 28/8/2024 là 6.486.394 đồng.

Công ty cổ phần S trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 163842 do Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 02/01/2018 khi ông Nguyễn Văn V thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền.

* Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa chấp hành quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 244, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280, Điều 309, khoản 4 Điều 313, Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 6 Điều 29 Nghị định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; Khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Văn V trả lại cho Công ty cổ phần S số tiền là 15.285.657 đồng (Trong đó, tiền gốc: 13.129.000 đồng. Tiền lãi trong hạn tính từ ngày 07/6/2023 đến ngày 28/8/2024 là 2.156.657 đồng. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày Công ty cổ phần S có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Nguyễn Văn V phải trả lãi cho Công ty cổ phần S đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về xét xử vắng mặt: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[1.2] Về xác định quan hệ tranh chấp: Công ty cổ phần S (tên viết tắt S) khởi kiện buộc ông Nguyễn Văn V phải trả nợ cho Công ty cổ phần S (tên viết tắt S) toàn bộ số tiền bao gồm nợ gốc và nợ lãi phát sinh theo Hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe số TDM200901035NA18X ngày 30/9/2020 toán số tiền 13.431.000 đồng (trong đó: tiền gốc là 8.894.000 cùng với lãi trong hạn từ ngày 31/10/2022 đến 30/5/2023 là 979.000 đồng, lãi quá hạn từ ngày 31/5/2023 đến ngày 28/8/2024 là 3.558.000 đồng). Ngoài ra ông Nguyễn Văn V còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 14/06/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ được xác định đây là vụ án dân sự với quan hệ tranh chấp là “Hợp đồng cầm cố tài sản” theo quy định tại Điều 309 của Bộ luật Dân sự 2015 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn Văn V có địa chỉ Ấp A, xã B, huyện P, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Xét về thay đổi yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định thay đổi số tiền thanh toán của lãi trong hạn từ 979.000 đồng thành số tiền 978.340 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng việc thay đổi số tiền lãi trong hạn của nguyên đơn là có lợi cho bị đơn và việc thay đổi yêu cầu này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Nguyễn Văn V đã giao kết với Công ty TNHH S – chi nhánh Sóc Trăng hợp đồng cầm cố số: TDM200901035NA18X ngày 30/9/2020. Theo nội dung của hợp đồng trên, ông Nguyễn Văn V cầm cố tài sản là: Ông Nguyễn Văn V đã giao kết với Công ty TNHH S – chi nhánh Sóc Trăng hợp đồng cầm cố số: TDM200901035NA18X ngày 30/9/2020. Theo nội dung của hợp đồng trên, ông Nguyễn Văn V cầm cố tài sản là: 01 xe mô tô hai bánh BKS 83P3-385.83. Loại xe HONDA - WAVE 100CC Màu: Đỏ Đen Bạc. Số khung RLHJA3906HY328994; Số máy JA39E029023. Số Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 163842 do Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 02/01/2018. Với giá trị là 10.200.000 đồng (Mười triệu hai trăm nghìn đồng); thời hạn cầm cố là 12 tháng (từ 30/9/2020 đến 30/9/2021) với mức lãi suất là 1,1%/ tháng. Giao dịch Đảm bảo trên Hệ thống Đăng ký Trực tuyến của Cục đăng ký quốc gia: Giaodichdambao/botuphap: 1384353379 theo web: <https://dktructuyen.moj.gov.vn/>.

[2.1] Theo tài liệu chứng cứ thể hiện giao dịch chuyển tiền từ Công ty TNHH S chuyển đến số tài khoản VND06800270301007 (nhận bằng CMND) mang tên Nguyễn Văn V vào ngày 01/10/2020 với nội dung ST-HD số TDM200901035NA18X(VINH) với số tiền 9.540.000 đồng và trừ các khoản phí phí bảo hiểm (510.000đ), phí bảo đảm tài sản (150.000đ) do ông Nguyễn Văn V phải chịu.

[2.2] Hợp đồng cầm cố tài sản được các bên xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay bị ép buộc nên đây là hợp đồng hợp pháp phù hợp với quy định với Điều 309 Bộ luật Dân sự năm 2015; đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông Nguyễn Văn V biết nhưng ông Nguyễn Văn V không có ý kiến phản đối gì. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định hợp đồng cầm cố số: TDM200901035NA18X ngày 30/9/2020 giữa ông Nguyễn Văn V với Công ty TNHH S – chi nhánh Sóc Trăng (nay là Công ty cổ phần S (tên viết tắt S)) có hiệu lực theo quy định tại khoản 1 Điều 310 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Ông Nguyễn Văn V (bên cầm cố) đã giao tài sản thuộc quyền sở hữu của mình là 01 xe mô tô hai bánh BKS 83P3-385.83; Loại xe HONDA - WAVE 100CC Màu: Đỏ Đen Bạc có số khung RLHJA3906HY328994; Số máy JA39E029023 đã được Công an tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 163842 do cấp ngày 02/01/2018 cho Công ty TNHH S để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ với số tiền là 10.200.000 đồng.

[2.2] Trong quá trình thực hiện hợp đồng tính đến ngày 13/6/2024 thì ông Nguyễn Văn V còn nợ Công ty được số tiền gốc là 8.894.000 đồng và tiền lãi trong hạn là 979.000 đồng cùng với tiền lãi quá hạn là 3.558.000 đồng. Từ đó đến nay ông

Nguyễn Văn V không trả tiền gốc và lãi cho Công ty nữa là vi phạm nghĩa vụ theo giao kết trong hợp đồng cầm cố, đã vi phạm Điều 4 của Hợp đồng cầm cố tài sản và Điều 4 của phụ lục hợp đồng mà các bên đã ký kết. Vì vậy, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn V phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc còn nợ 8.894.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 280, Điều 309 Bộ luật Dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại hợp đồng cầm cố tài sản số: TDM200901035NA18X ngày 30/9/2020 giữa Công ty và ông Nguyễn Văn V đã giao kết mức lãi suất là 1,1%/tháng; lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Do đó, mức lãi suất của hợp đồng các bên đã ký kết là phù hợp theo quy định tại khoản 6 Điều 29 Nghị định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên bị đơn phải có nghĩa vụ trả lãi cho nguyên đơn theo hợp đồng đã giao kết. Việc bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiếp dư nợ gốc và lãi theo giao kết trong hợp đồng từ ngày 01/12/2020 ông Nguyễn Văn V đã vi phạm hợp đồng cho vay mà các bên đã ký kết, bị đơn là người có lỗi và là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Như vậy, ông Nguyễn Văn V phải có nghĩa vụ trả cho Công ty số tiền gốc và lãi phát sinh theo giao kết của hợp đồng đến ngày 28/8/2024 với số tiền là 16.358.734 đồng. Trong đó, tiền gốc: 8.894.000 đồng. Tiền lãi trong hạn tính từ ngày 01/12/2020 đến ngày 30/9/2021 là 978.340 đồng. Tiền lãi quá hạn từ ngày 01/10/2021 đến ngày 28/8/2024 là 6.486.394 đồng. là có căn cứ, phù hợp với nội dung thỏa thuận về việc trả nợ gốc lãi, chuyển nợ quá hạn tại hợp đồng cầm cố tài sản đã ký kết nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày Công ty cổ phần S có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Nguyễn Văn V phải trả lãi cho Công ty cổ phần S đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.4] Bên cạnh đó, Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến và buộc Công ty cổ phần S trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 163842 do Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 02/01/2018 khi ông Nguyễn Văn V thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền.

[2.5] Từ những phân tích trên, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S (tên viết tắt S).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên Công ty cổ phần S (tên viết tắt S) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Công ty cổ phần S (tên viết tắt S) có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; ông Nguyễn Văn V có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đặt hợp lệ.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú phát biểu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 309, khoản 1 Điều 310, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 6 Điều 29 Nghị định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; Khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S (tên viết tắt S):

1/ Buộc ông Nguyễn Văn V có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần S (tên viết tắt S) số tiền nợ gốc, lãi phát sinh trong hạn và lãi quá hạn theo hợp đồng cầm cố số: TDM200901035NA18X ngày 30/9/2020 là 16.358.734 (Mười sáu triệu, ba trăm năm mươi tám nghìn, bảy trăm ba mươi bốn) đồng. Trong đó, tiền gốc: 8.894.000 (tám triệu tám trăm chín mươi bốn nghìn) đồng. Tiền lãi trong hạn tính từ ngày 01/12/2020 đến ngày 30/9/2021 là 978.340 (Chín trăm bảy mươi tám nghìn, ba trăm bốn mươi) đồng. Tiền lãi quá hạn từ ngày 01/10/2021 đến ngày 28/8/2024 là 6.486.394 (Sáu triệu, bốn trăm tám mươi sáu nghìn, ba trăm chín mươi bốn) đồng.

2/ Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày Công ty cổ phần S có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Nguyễn Văn V phải trả lãi cho Công ty cổ phần S đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3/ Ghi nhận ý kiến và buộc Công ty cổ phần S trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 163842 do Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 02/01/2018 khi ông Nguyễn Văn V thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty cổ phần S (tên viết tắt S) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng đã nộp là 335.775 (Ba trăm ba mươi lăm nghìn bảy trăm bảy mươi lăm) đồng theo biên lai số 0005477 ngày 19/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú. Ông Nguyễn Văn V phải chịu án dân sự sơ thẩm là 817.937 (Tám trăm mười bảy nghìn, chín trăm ba mươi bảy) đồng.

5/ Về quyền kháng cáo: Công ty cổ phần S (tên viết tắt S) có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án và ông Nguyễn Văn V có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (P.KTNV&THA);
- VKSND huyện LP;
- Chi cục THADS huyện LP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thái Ngọc